TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-PT
Ngày: 03-01-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Võ Ngọc Giàu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2023 và 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1018/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: D, tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (văn bản ủy ngày 04/3/2022)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Hoài E, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị Lê Thị Kim T2, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Cụ Lê Văn Đ, sinh năm 1933 (chết)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đ:

4.1 Ông Lê Văn S1, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.2 Bà Lê Thị D, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.3 Chị Lê Thị Đ1, sinh năm 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.4 Anh Lê Văn T3, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.5 Ông Lê Văn S, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.6 Chị Lê Thị Ú, sinh năm 1974 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.7 Bà Lê Thị T1, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.8 Bà Lê Thị T, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị T1;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Năm 1991, bà T được cha là cụ Lê Văn Đ cho một phần đất để cất nhà ở ổn định cho đến nay. Cụ Đ có làm giấy xác nhận cho đất bà T được người làm chứng và T4 ấp ký xác nhận ngày 12/8/2010.

Việc cụ Đ cho bà T 300m^2 đất tất cả anh em trong gia đình đều biết và đồng ý.

Khi làm thủ tục sang tên cho bà T1 là chuyển nguyên thửa từ cụ Đ qua cho bà T1. Bà T1 có hứa với bà T là khi nào bà T1 nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà sẽ tách thửa lại cho bà T 300m^2 đất đúng theo diện tích mà cụ Đ đã làm giấy cho bà T trước đây, riêng bà T đã nộp các khoản thuế, lệ phí đối

với phần đất mà bà T đang sử dụng đúng theo quy định của nhà nước từ trước đến nay. Nhưng bà T1 không thực hiện mà kéo dài cho đến nay.

Ngày 24/02/2022, tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã, bà T1 không đồng ý tách thửa cho bà T. Bà T có yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Lê Văn Đ cụ thể là giấy xác nhận cho đất bà T có người làm chứng, T4 ấp ký xác nhận vào ngày 12/8/2010 là hợp pháp.

Yêu cầu bà T1 phải thực hiện theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ Đ giao cho bà T một phần diện tích 300m^2 đất đúng theo giấy mà cụ Đ đã cho bà T nằm trong thửa đất 290, tờ bản đồ số 3, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T1 đứng tên theo quy định.

Bị đơn bà Lê Thị T1 trình bày:

Khi cụ Đ còn sống có cho bà T một nền nhà để ở nhưng không được sang hay sang bán gì. Bà sống chung với cha mẹ nên biết, còn các anh chị em khác thì không biết, sau này mới biết.

Đối với tờ giấy có tựa đề "Giấy chứng nhận cho đất" mà bà T cung cấp thì bà không biết. Khi bà đứng tên đất thì bà T cũng đồng ý ký tên cho bà đứng tên đất, bà không có hứa tách thửa diện tích 300m^2 gì cho bà T. Mới đầu được cho đất thì bà T cất nhà tạm, thời gian sau được cất nhà tình thương do thuộc diện hộ nghèo. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, chỉ cho bà T ở trên đất, không thực hiện việc sang tên gì cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Hoài E trình bày:

Anh là con ruột của bà T, anh thống nhất với nội dung khởi kiện của bà T, không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S1 trình bày:

Bà T được cha là cụ Đ cho một nền nhà hiện tại bà T đang ở, mong Tòa án xem xét cho bà T có nền nhà để ở. Đồng thời, ông có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ1 trình bày:

Bà T được cha là cụ Đ cho một nền nhà hiện tại bà T đang ở diện tích khoảng 300m^2. Tại thời điểm cho đất thì chỉ nói miệng đến khi cần làm thủ tục cất nhà tình thương thì mới lập giấy viết tay.

Lúc lập giấy cho đất thì cụ Đ còn minh mẫn. Ngoài phần đất được cho thì bà T không còn phần đất nào khác. Việc cha cho đất bà T thì các chị em trong nhà đều biết.

Bà có nghe việc bà T1 yêu cầu bà T ký tên tách bộ cho bà T1 đứng tên và sau đến khi cụ Đ mất thì bà T1 sẽ tách bộ lại cho bà T phần mà bà T đang ở, nhưng nay không thực hiện rồi phát sinh tranh chấp. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày:

Bà T được cha là cụ Đ cho một nền nhà hiện tại bà T đang ở, diện tích bao nhiêu thì bà không rõ. Ngoài phần đất được cho thì bà T không còn phần đất nào

khác. Việc cha cho đất có nói cho các con trong nhà biết, còn cha có lập văn bản giấy tờ gì không thì bà không rõ. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T3 trình bày:

Năm 1991, chị ruột của ông là bà T được cha là cụ Đ cho phần đất để cất nhà ở và sử dụng ổn định đến nay. Cụ Đ có lập giấy xác nhận cho đất bà T vào ngày 12/8/2010. Việc cụ Đ cho bà T 300m^2 đất tất cả anh em trong gia đình đều biết và đồng ý.

Khi làm thủ tục sang tên thì chuyển nguyên thửa cho bà T1. Bà T1 có hứa khi nào bà T1 đứng tên đất sẽ tách thửa cho bà T đứng tên 300m^2 đúng theo diện tích mà cụ Đ đã làm giấy. Nhưng đến nay bà T1 không thực hiện. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:

Ông là anh ruột của bà T và bà T1. Lúc sinh thời, cha mẹ có chia đất cho ba người con trai mỗi người khoảng 02 công đất, con gái thì không có. Cụ Đ có cho bà T phần đất để được cất nhà tình thương nhưng diện tích bao nhiêu và có lập giấy tờ gì không thì ông không rõ. Thời điểm trước khi cụ Đ mất thì cụ Đ, ông, Lê Thị Kim T2 là con gái của ông, bà T có ký giấy cho bà T1 đứng đất. Không có việc bà T1 hứa sau khi đứng tên đất thì sẽ tách bộ phần đất mà bà T đang ở gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, hai bên tự giải quyết, ông không ý kiến và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ú trình bày:

Bà là em ruột của bà T và bà T1. Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông S. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, hai bên tự giải quyết, bà không có ý kiến gì và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim T2 trình bày:

Chị là cháu ruột của bà T, bà T1, hiện đang sống với và T1. Chị có nghe nói lại là trước đây gia đình của bà T lục đục nên cụ Đ có cho về cất nhà ở tạm trên đất. Sau đó bà T được cất nhà tình thương nhưng điều kiện là phải có đất, nên cụ Đ có cho bà T một phần đất, diện tích bao nhiêu và có lập văn bản gì thì chị không rõ. Trước khi cụ Đ mất thì chị, bà T, cụ Đ, ông S có ký giấy để bà T1 qua bộ đất, không có việc hứa tách bộ cho bà T, chỉ cho bà T ở trên đất, không được sang tên, sang bán. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, hai bên tự giải quyết, chị không có ý kiến gì và có đơn xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 132, 457, 500, 688 Bộ luật Dân sự; Điều 170 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Công nhận giấy chứng nhận cho đất do cụ Lê Văn Đ lập có xác nhận của T4 ấp Trần Văn M ngày 12/8/2010 là hợp pháp.

Buộc bà Lê Thị T1 phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận cho đất trên đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 244,7m^2 nằm trong thửa 290, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.926,7m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T1 đứng tên (số vào sổ cấp GCN CH06592) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cùng căn nhà, tài sản có trên phần đất có diện tích đo đạc thực tế này cho bà T được quyền sử dụng, sở hữu. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Bà T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Vị trí và tứ cận của phần diện tích 244,7m^2 trên được thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/12/2022 có đóng dấu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/8/2023 bị đơn bà Lê Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, án sơ thẩm xét xử có căn cứ, không vi phạm tố tụng, nội dung phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T1 thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà cụ Lê Văn Đ lập để giao cho bà T diện tích 300m^2 đất đúng

theo giấy mà cụ Đ đã cho bà T nằm trong thửa đất 290, tờ bản đồ số 3, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đưa vụ án tranh chấp giữa bà Lê Thị T với bà Lê Thị T1 ra xét xử, không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 21/8/2023 bà T1 kháng cáo bản án là còn trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung tranh chấp: Cụ Lê Văn Đ chết vào 25/8/2013, vợ là cụ Lê Thị B chết nào năm 1985, 02 cụ có được 08 người con: 03 trai, 05 gái, lúc sinh thời các cụ chỉ cho đất cho 03 con trai, còn lại 8.339m^2 cụ Đ vẫn đứng tên quyền sử dụng đất (được cấp quyền sử dụng đất vào 23/10/1998) đến ngày 29/9/2009 (trưởng ấp xác nhận ngày 12/8/2010) cụ Đ lập giấy tay cho bà T 300m^2 đất để cất nhà ở cho đến nay. Đến ngày 28/9/2011 cụ Đ cho tặng toàn bộ 8.339m^2 cho bà T1 và bà T1 được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 01/11/2011.

Phần đất tranh chấp đo đạc thực tế có diện tích 244,7m^2 nằm trong thửa 290, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.926,7m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T1 đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 07/10/2014.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bỡi lẽ, tại thời điểm cụ Đ cho đất cho bà T thì cụ vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất, việc cho tặng này tất cả anh chị em (con cụ Đ) đều biết, công nhận, bà T xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1991. Hàng năm đều có thực hiện nghĩa vụ thuế (nhà ở, quỹ an ninh quốc phòng) với Nhà nước, phần đất này cũng là tài sản chung của cụ Đ, cụ B. Năm 2011 cụ Đ lập hợp đồng tặng toàn bộ diện tích 8.339m^2 đất cho bà T không lớn mà không có ý kiến đầy đủ của 08 người con là chưa phù hợp pháp luật, việc cụ Đ cho bà T 300m^2 thể hiện ý chí của cụ Đ khi còn minh mẫn, sáng suốt, được sự đồng thuận của các con, duy chỉ có bà T1 là cho rằng cho ở chứ không được cấp quyền sử dụng đất. Xét thấy, phần diện tích đất cho bà T không lớn, bà T ở ổn định trên 30 năm, phần này cũng là tài sản chung của cụ Đ2 và cụ B chưa chia, như thế là đã có lợi cho phía bà T1. Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận cho bà T được quyền sử dụng phần đất được cụ Đ cho tặng là có cơ sở, hợp tình, đúng pháp luật, do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, tuy nhiên bà T1 không có chứng cứ chứng minh, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không vi phạm tố tụng, nội dung phù hợp pháp luật nên yêu cầu này không có căn cứ để xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 132, 457, 500, 688 Bộ luật Dân sự; Điều 170 Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Công nhận giấy chứng nhận cho đất do cụ Lê Văn Đ lập có xác nhận của T4 ấp Trần Văn M ngày 12/8/2010 là hợp pháp.

Buộc bà Lê Thị T1 phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận cho đất trên đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 244,7m^2 nằm trong thửa 290, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.926,7m^2 tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T1 đứng tên (số vào sổ cấp GCN CH06592) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 07/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C cùng căn nhà, tài sản có trên phần đất có diện tích đo đạc thực tế này cho bà T được quyền sử dụng, sở hữu. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Bà T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Vị trí và tứ cận của phần diện tích 244,7m^2 trên được thể hiện tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/12/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm và sơ thẩm, bà T1 đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012786 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

H lại cho bà Lê Thị T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010339 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 03/01/2024 có mặt nghe tuyên án nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Bùi Quang N.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng